

BUÔN LÀNG, LUẬT TỤC VÀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG CỦA CÁC TỘC NGƯỜI TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Mộng Tuyền¹

Tóm tắt:

Trong tiến trình lịch sử dân tộc từ xưa đến nay, Việt Nam vẫn cơ bản là nước nông nghiệp, do vậy nông thôn và nông dân là một trong những địa bàn quan trọng, đóng vai trò quyết định trong sự phát triển kinh tế xã hội. Với vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân thì làng, xã là môi trường, là tổ chức xã hội truyền thống cơ bản. Do vậy, mỗi thời kỳ phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, đặc biệt là hiện nay, đang phát triển theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì làng, buôn là điểm “nối giữa”. Nét riêng của các dân tộc Tây Nguyên, dù là chưa cao về trình độ phát triển kinh tế xã hội, nhưng các quan hệ xã hội khu vực này đậm nét cộng đồng, vốn là sức mạnh tiềm ẩn của đất nước. Thế nên, phát triển kinh tế xã hội và quản lý làng buôn luôn là trọng tâm, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và đặt ra nhiệm vụ là làm sao vừa để năng động hóa vừa bảo vệ các buôn làng trước các điều kiện phải sinh tự nhiên, tạo tiền đề cần thiết để cơ cấu xã hội nơi đây từng bước hòa nhập dần với cơ chế thị trường vốn đang hình thành và phát triển.

Với xu hướng phát triển chung thì công cụ quản lý và điều hòa các quan hệ xã hội cơ bản ở đây là luật tục với pháp luật Nhà nước. Trong bài này, chúng tôi đề cập tới một hình thức xã hội truyền thống là buôn làng và luật tục để góp thêm chiếc chìa khóa mở ra mỗi điều hòa quan hệ xã hội mới tiến bộ, làm tăng nội lực vốn có của vùng, tạo động lực phát triển đất nước.

1. Tổng quan về nguồn gốc lịch sử của các cộng đồng thiểu số bản địa Tây Nguyên

1.1. Vị trí địa lý và tên gọi:

Điều kiện tự nhiên đã kiến tạo Tây Nguyên gồm một loạt cao nguyên liền kề nằm ở Trung phần-gọi là Trung Bộ Việt Nam, gộp lại thành 5 tỉnh với tên gọi: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Phía Tây có đường biên giới tiếp giáp với Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia, phía Bắc là giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai và phía Nam giáp tỉnh Bình Phước.

Do chiến tranh, Tây Nguyên có nhiều biến động và được định danh với nhiều tên gọi khác nhau: thời Pháp thuộc, người Pháp gọi nơi này là Les Hauts Plateaux du Sud (dịch ra là Tây Nguyên - Cao nguyên miền Nam), cùng lúc đó, nhà Nguyễn cho rằng vùng này

¹ Tiến sĩ, Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh. Email: nmtuyenou@gmail.com

thuộc về châu Thượng Nguyên, thực tế, đây một đơn vị hành chính trực thuộc Khâm sứ Trung Kỳ, gọi là Cao nguyên Trung Kỳ. Sau đó, chính phủ Trần Trọng Kim chấp chính thay Kỳ thành Bộ, đặt lại tên gọi là Cao nguyên Trung Bộ. Thời kỳ Bảo Đại làm quốc trưởng đã thay đơn vị hành chính cấp Bộ thành cấp Phần, Tây Nguyên được hưởng quy chế đặc biệt với xưng danh là Hoàng triều Cương thổ. Sau đó, Ngô Đình Diệm cho sáp nhập Hoàng triều Cương thổ và Trung Phần. Do vậy địa danh cao nguyên Trung phần được sử dụng đến năm 1975. Một tài liệu đáng tin cậy khác đã khẳng định rằng địa danh Tây Nguyên được biết đến từ năm 1960 (Nguyễn, 1999), khi công bố Hiến pháp 1959 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, trong đó có điều khoản về các khu tự trị của các sắc tộc thiểu số và có đề cập đến Tây Nguyên. Đến nay, theo Tổng cục thống kê cho biết, năm 2016, tổng diện tích 5 tỉnh vùng Tây Nguyên là 54.508km², dân số có 5.693.2 người, mật độ dân cư của vùng là 104 người/km²

1.2. Cộng đồng và bản sắc văn hóa của các tộc người Tây Nguyên

Qua lăng kính khảo cổ học, Tây Nguyên là vùng văn hóa cổ, nguyên gốc, dấu tích con người có mặt ở đây từ thời đồ đá mới, có nền văn hóa đạt trình độ cao, chịu nhiều xáo trộn vì ảnh hưởng của chiến tranh.

Sau khi tổng hợp nhiều nguồn tài liệu thì biết rằng: trước khi thực dân Pháp xâm lược, Tây Nguyên là vùng tự trị, đất rộng, người thưa, chủ yếu là hoạt động tự quản của các bộ tộc thiểu số, chịu biến cố khốc liệt từ các cuộc chiến tranh lịch sử với vương quốc Champa hoặc Chân Lạp... Vào thế kỷ thứ XVI, XVII, những cư dân bản địa được gọi là Mọi Đá Vách (Hré), Mọi Hời (Hroi, Kor, Bru, Ktu và Pacoh), Mọi Đá Hàm (Djarai), Mọi Bò Nong (Mnông) và Bò Van (Rhadé Epan), Mọi Vẹ (Raglai) và Mọi Bà Rịa (Mạ) ... sinh sống ở vùng này, chịu sự bảo hộ của các chúa Nguyễn. Sau nhiều thập kỷ, Tây Nguyên đã đón nhận thêm các nhóm tộc người từ các vùng từ miền Trung, miền Bắc đến định cư, như Tày, Thái, Nùng, Mường, H'mông, Dao... và có cả người Việt. Giáo sư Ngô Đức Thịnh - Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Bảo tồn Tín ngưỡng Việt Nam đã tổng hợp và xác định có khoảng trên 40 tộc người, trong đó có khoảng 20 tộc người bản địa, tạo nên vùng văn hóa với nhiều khuynh hướng biến đổi, giao lưu, ảnh hưởng và có cả đứt gãy giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình đổi mới văn hóa các tộc người tạo nên tinh hoa văn hóa Tây Nguyên.

Năm 1858, thực dân Pháp tấn công Việt Nam bằng quân sự. Đến năm 1884, bằng mọi biện pháp quân sự và chính trị, thực dân Pháp cũng đã bắt đầu thôn tính vùng đất Tây Nguyên, xác lập các đơn vị hành chánh “chia để trị”, tách rời với miền xuôi. Đó là một trong những lý do Tây Nguyên có nét văn hóa mang bản chất là “văn hóa rừng”, “văn hóa thực vật”, “văn hóa buôn làng”... sớm có kết cuộc sống với tính quy mô nhỏ dần hình thành cộng đồng làng buôn đậm nét *văn hóa phi vật thể* hơn *văn hóa vật thể*.

Người bản địa Tây Nguyên có trình độ tư duy “hiện thực-huyền ảo”, hiện thực vì mọi cái đều được con người quy về các hiện tượng tự nhiên, quy về thế giới động vật, thực vật quanh mình, nói cách khác là ưa lấy các hiện tượng tự nhiên làm hệ quy chiếu cho con người; còn huyền ảo là vì tất cả các hiện tượng tự nhiên ấy đều mang trong nó cái “Yang” (hồn, thần), khiến thế giới bao quanh con người luôn là một thế giới vật chất có hồn, chứ

không phải là vô tri vô giác... Con người thực sự là một bộ phận của tự nhiên, bình đẳng và gắn kết với tự nhiên tạo nên tính nhân bản sâu sắc (Ngô, 2013)

Tinh hoa văn hóa Tây nguyên, trước hết là ngôn ngữ sử dụng, người Tây Nguyên dùng ngôn ngữ *lời nói vắn*, là một hình thức dùng ngôn từ trung gian giữa ngôn ngữ thường ngày và ngôn ngữ văn học, rất giàu hình ảnh và vần điệu. Công chiêng là loại hình ngôn ngữ giao tiếp, thể hiện mối quan hệ tư duy của con người với thần thánh và siêu nhiên. Hình thức ngôn ngữ đặc trưng này đã khoắc lên vùng Tây Nguyên một nền tảng văn hóa vừa đậm đà bản sắc dân tộc vừa phong phú, đa dạng, độc đáo và kỳ ảo. Hàng trăm tác phẩm âm nhạc công chiêng có nguyên gốc từ những bộ bản đá tiền sử, vật sở hữu trí tuệ của người bản địa, được mệnh danh quý hiếm nhất trên thế giới. Ngày 15-11-2005, UNESCO đã công nhận “Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên là kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại”. Bên cạnh kho tàng dân gian phong phú, đồ sộ đó là những bộ *luật tục* bằng văn vần truyền miệng, nơi chứa đựng những tri thức về quản lý cộng đồng, về bản sắc căn hóa đậm đà từng dân tộc, lưu truyền song hành với trên 20 “Sử thi” của các bộ tộc khác nhau. Sử thi Tây Nguyên, là một giá trị tinh thần, được đồng bào Tây Nguyên lưu giữ trong trí nhớ và được diễn xướng trong các sinh hoạt cộng đồng. Ngoài ra còn là những kiệt tác điêu khắc tượng, nhà mồ, mỹ thuật quan, kiến trúc nhà ở, nhà công cộng (nhà rông, nhà gươl, nhà dài ...), và có cả hệ thống tín ngưỡng, phong tục lễ hội đậm chất dân gian, vừa tự nhiên vừa nhân văn tạo nên môi trường duy nhất mà ở đó tất cả những tinh hoa trong văn hoá vật thể và phi vật thể của từng tộc người, từng nhóm địa phương, từng làng được thể hiện.

Do lịch sử và văn hóa tác động, kinh tế Tây Nguyên bị quy định bởi tính biệt lập, khép kín, bảo thủ của kết cấu kinh tế - xã hội buôn làng truyền thống, có trình độ rất thấp, rất chậm phát triển. Ba đặc trưng: tự túc về kinh tế, tự trị về chính trị, và nền văn hóa thuần nhất đã tạo khuôn một vùng kinh tế của các buôn làng với loại hình kinh tế tự nhiên, mang nặng tính chất sơ khai như săn bắn, hái lượm, sản xuất dựa trên phương tiện thô sơ, khai thác tự nhiên. Dân cư thưa thớt, địa hình khắc nghiệt, giao thông và giao lưu kinh tế đã trải qua thời kỳ dài không phát triển. Cư dân ở đây gần như “sống ngoài kia của sự phát triển”, họ sống trong buôn làng tạo thành một xã hội tĩnh lặng suốt thời kỳ trước chiến tranh và sau chiến tranh ở Việt Nam. Sự tiệm tiến với các mô hình phát triển kinh tế của cả nước, kinh tế Tây Nguyên là điểm “nối giữa”, “nút đứt gãy” giữa truyền thống (lạc hậu) và hội nhập (hiện đại-phát triển). Muốn khớp được điểm “nối giữa” và nối liền “nút đứt gãy” đó để Tây Nguyên liền kề, xứng tầm với hai miền Nam Bắc là từng có những quyết định mang tính táo bạo, quyết liệt. Các chính sách phát triển vùng kinh tế-xã hội Tây Nguyên cũng gặp nhiều khó khăn và thách thức. Kết quả đạt được là thành công và cũng có lúc không thành công, nhưng kinh tế Tây Nguyên dần trỗi dậy, lấy cái chung để dần hạn chế và thay thế cái riêng cái khác biệt, hòa nhập, phù hợp với từng chính sách phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước và thế giới.

Chúng ta điều biết hoặc đã chứng kiến những xung đột, biến đổi của Việt Nam trong vị trí địa lý gọi là “khu vực địa chính trị”. Hiện nay, cùng với xu hướng chung của thời đại, Việt Nam đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì làng, buôn là điểm “nối giữa”. Nét riêng của các dân tộc Tây Nguyên, dù là

chưa cao về trình độ phát triển kinh tế xã hội, nhưng các quan hệ xã hội khu vực này đậm nét cộng đồng, vốn là sức mạnh tiềm ẩn của đất nước. Thế nên, phát triển kinh tế xã hội và quản lý làng buôn luôn là trọng tâm, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và đặt ra nhiệm vụ là làm sao vừa để năng động hóa vừa bảo vệ các buôn làng trước các điều kiện phát sinh tự nhiên, tạo tiền đề cần thiết để cơ cấu xã hội nơi đây từng bước hòa nhập dần với cơ chế thị trường vốn đang hình thành và phát triển.

Với xu hướng phát triển chung thì công cụ quản lý và điều hòa các quan hệ xã hội cơ bản ở đây là luật tục với pháp luật Nhà nước. Trong bài này, chúng tôi đề cập tới một hình thức xã hội truyền thống là buôn làng và luật tục để góp thêm chiếc chìa khóa mở ra mối điều hòa quan hệ xã hội mới tiến bộ, làm tăng nội lực vốn có của vùng, tạo động lực phát triển đất nước.

2. Những đánh giá chung: hiện trạng và đề xuất giải pháp.

2.1. Buôn làng – hình thức cơ cấu xã hội của các dân tộc Tây Nguyên

Buôn làng và sự cố kết cộng đồng: Kết cấu xã hội nông nghiệp là làng - nơi tụ cư - hoạt động trong môi trường tự nhiên, môi trường xã hội đơn giản. Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống mà dần về sau, làng trở thành một kết cấu kinh tế, xã hội và văn hóa cộng đồng bền chặt. Cơ cấu làng buôn và sự cố kết cộng đồng của các tộc người Tây Nguyên dựa trên một số yếu tố cơ bản như sau:

- Buôn làng của các tộc người Tây Nguyên là **một cộng đồng về cư trú**, tức là các gia đình. Điều kiện môi trường, đất đai canh tác đã hấp dẫn một cách tự nhiên các gia đình lớn, nhỏ sống riêng lẻ hoặc trong nhà dài-ngôi nhà công cộng. Danh xưng buôn làng của các tộc người Tây Nguyên đã sử dụng một cách tự nhiên, thân thuộc. Gia đình sống theo huyết thống mẫu hệ hay phụ hệ, cư trú theo hình thái mật tập hình vành khuyên bên trong hoặc xung quanh ngôi nhà công cộng. Đó là dấu vết của công xã gia tộc huyết thống ngày xưa, mà nay hiếm hoi còn sót lại. Xét về hình thái cư trú cũng như các quan hệ xã hội thì từ lâu đã chuyển sang hình thái công xã láng giềng. Từ năm 1975, phong trào phát triển kinh tế vườn từ chính sách của Nhà nước đã chia tách nhà dài thành nhiều ngôi nhà nhỏ của các gia đình hạt nhân, đã là một đột phá, đẩy nhanh quá trình giải thể công xã gia tộc huyết thống.

- Sự cố kết cộng đồng còn phụ thuộc vào thổ cư, rừng, đất rừng-rừng đầu nguồn, sông suối cũng là đầu nguồn. Điều kiện tự nhiên đã ban tặng và ưu đãi nhiều yếu tố có lợi cho buôn làng Tây Nguyên. Tuy nhiên do chiến tranh và sau đó là tăng dân số cơ học từ chủ trương di dân xây dựng khu kinh tế mới làm buôn làng cùng các thiết chế về buôn làng cũng biến đổi, bị đe dọa xáo trộn, thu hẹp...

Buôn làng là một cộng đồng về sở hữu và lợi ích: Sở hữu công cộng của buôn làng có quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời với rừng, đất rừng tự nhiên, mỗi cư dân đều có quyền chiếm dụng trong thời hạn canh tác. Điều này từng được ghi nhận trong luật tục của các tộc người Tây Nguyên. Thí dụ, luật tục Êđê khẳng định là:

“Đất đai, sông suối, cây rừng là của ông bà để lại

Mất cậu để lại cho cháu

Mất bà để lại cho cháu

Mất người này để lại cho người kia
Không ai dám chiếm lấy
Không ai dám giành lấy mà chia cắt, chiếm lấy bằng được”
Mối quan hệ sở hữu công cộng trong luật tục như vậy nên ai cũng có quyền sử dụng:
“Chúng ta ai cũng có quyền đốt rẫy, bắt cá
Ai cũng có quyền trèo lên cây lấy mật
Cây le, cây lồ ô, tranh tre để làm nhà, ai cũng có quyền lấy
Ai cũng có quyền đốt rừng là rẫy, săn thú đánh bắt cá”...

Trong xã hội cổ truyền các dân tộc tây Nguyên chưa thấy xuất hiện hình thức tư hữu về đất đai và các nguồn tài nguyên, chưa có hiện tượng mua bán, chuyển nhượng các tư liệu sản xuất tư bản, việc xâm canh, tranh giành đất, rừng rất hiếm hoi, nếu có cũng được giải quyết bằng luật tục. Thí dụ, một gia đình khai hoang, canh tác một mảnh rừng trong thời hạn một hay hai vụ, sau đó bỏ hoang theo kiểu hừa canh để đất, rừng phục hồi, thì trong thời gian đó, người chủ khai thác đầu tiên có quyền nhất định đối với mảnh nương rẫy đó, người khác muốn canh tác hay khai thác trên mảnh đất đang để hoang đó đều phải được sự đồng ý của chủ khai thác đầu tiên. Đây là một dạng của cộng đồng trong việc chiếm dụng đất đai canh tác, do vậy giữa sở hữu công cộng dần dần xen chiếm dụng tư riêng, trong lòng xã hội nông nghiệp cổ truyền dần phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hơn nữa việc tăng dân số cơ học trong khi kết cấu kinh tế cơ sở hạ tầng Tây Nguyên chưa hiện đại hóa, từ năm 1986 đến nay, khiến mật độ dân số tăng lên, đất đai tự chiếm hữu bằng luật tục khan hiếm dần, đất mất màu mỡ, rừng cạn kiệt, bị phá hoại nghiêm trọng. Bên cạnh đó, do tác động của kinh tế thị trường, nhất là việc kinh doanh các cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày như chè, cà phê... đã làm cho việc chuyển nhượng, mua bán dần phức tạp, nan giải. Nếu trước kia làng buôn với tư cách là chủ sở hữu đất đai, trực tiếp quản lý đất đai và tài nguyên, trong đó cư dân chỉ có quyền chiếm dụng, người ngoài không có quyền xâm canh, tự do khai thác, tự do chuyển nhượng, đất, rừng được quản lý, việc tranh chấp đất đai ít xảy ra. Nhưng hiện nay, với Luật Đất đai mới của Nhà nước thì quan hệ sở hữu công cộng đó không còn hiệu lực, đất đai tài nguyên trên thực tế không có chủ sở hữu, nên tình trạng xâm canh, mua bán, chuyển nhượng đất đai diễn ra phức tạp, môi trường buôn làng bị thu hẹp, rừng bị phá, sinh thái diễn biến theo chiều hướng xấu.

Sau khi đất đai được Nhà nước quy định quốc hữu hóa, theo kết quả nghiên cứu gần đây, hàng triệu hecta rừng Tây Nguyên đã được chặt hạ. Khai phá rừng không được lập kế hoạch và kiểm soát không tốt.

Trong tiến trình khai phá ồ ạt, nền tảng văn hóa, kết cấu xã hội, tập tục truyền thống, tri thức và lòng tự tôn của người dân tộc thiểu số bị phá vỡ nghiêm trọng. Đa số văn hóa, tôn giáo và các sinh hoạt tín ngưỡng bị xóa bỏ (Đặng 1986). Nền tảng cộng đồng bị thay thế bằng hợp tác xã, gia đình nhiều thế hệ được thay thế bằng gia đình hạt nhân. Nhà dài truyền thống dần biến mất ở vùng tây Nguyên. Các can thiệp văn hóa đã xóa dần vai trò của của các thể chế truyền thống.

Từ sau năm 1990, Nhà nước hủy bỏ mô hình sản xuất tập thể, hợp tác xã, đất, rừng được trả về cho người dân sản xuất theo cơ chế thị trường. Ở Tây Nguyên, rừng bắt đầu được giao cho nhiều người quản lý, sử dụng. Kinh tế thị trường ở Tây Nguyên phát triển mạnh. Đi kèm với sự thay đổi này là làn sóng di dân tự do. Hơn 2,3 triệu di dân tự do đã đến Tây Nguyên (cuối thập niên 1980). Trong suốt những năm 1990, khoảng 300,000 người đã đến đây mỗi năm. Làn sóng di cư này không chỉ là người Kinh mà còn nhiều dân tộc thiểu số phía Bắc như Tày, Nùng, Hmông, Thái, Dao. Trong số đó nhiều nhóm dân đã là tác nhân xóa trắng rừng ở nhiều nơi.

Hiện nay có thể thấy sự thay đổi rõ ràng ở Tây Nguyên là ưu thế về dân số của người Kinh và văn hóa của họ, sự phát triển của cơ sở hạ tầng đường, điện và các thành phố, thị trấn hiện đại. Tuy vậy, phần lớn người bản địa vẫn sống ở vùng sâu xa trong đói nghèo. Tây Nguyên có tỉ lệ người thiểu số trong nhóm nghèo cao nhất với khoảng 38% và khoảng cách giàu nghèo cũng lớn nhất trong cả nước (Lê và Vũ 2004; Trương 2004; Thanh Niên 2005). Với hơn 5,5 triệu người thuộc 45 dân tộc cùng sinh sống, Tây Nguyên đang đối mặt cùng nhiều thách thức, phức tạp đan xen trong vấn đề quản lý xã hội và môi trường

Buôn làng là một cộng đồng mang tính tâm linh, thể hiện trên các phương diện sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, nghi lễ, kiêng cử... đây là mối dây liên kết, quy tụ con người hướng vọng về các biểu tượng linh thiêng mang tính tâm linh, một lực lượng siêu nhiên tỏa ra như một “sức mạnh mềm” của con người trước những đe dọa, rủi ro trong đời sống hiện thực, và điều này là điểm tương đồng với lý luận hiện đại: chủ nghĩa dân tộc chân chính sẽ là động lực lớn của đất nước. Điều này có thể giải thích rằng con người Tây Nguyên từng sống trong bao bọc của thế giới thần linh, linh hồn tạo nên cảm giác huyền ảo, ở mức độ nào đó thì cái đó hạn chế tính chủ động sáng tạo của con người. Nhưng khác lại là sự kết nối dài ra của cảm giác bay bổng, huyền ảo, một thứ “hiện thực huyền ảo” mà chính cái đó góp phần tạo nên những nét riêng của văn hóa, văn học, nghệ thuật Tây Nguyên gọi là “nguyên cổ” là “sức mạnh mềm” của quốc gia, dân tộc.

Buôn làng Tây Nguyên là một cộng đồng văn hóa. Buôn làng xuất phát là một cộng đồng về cư trú, cộng đồng về sở hữu và lợi ích sau đó dần trở thành một cộng đồng về văn hóa, thể hiện sự thống nhất trên hàng loạt các nghi lễ, phong tục, kiêng cử, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các mối quan hệ mang tính dân chủ, bình đẳng... Cũng như cộng đồng về tâm linh, cộng đồng về văn hóa là sự cố kết bằng những ràng buộc vô hình, nhưng nó vô cùng bền chặt từ thế hệ này sang thế hệ khác người ta trao quyền cho nhau như một thói quen, phong tục nhiều khi trở thành bản năng và vô thức, ai không thống nhất đều bị dư luận và cộng đồng phê phán, thậm chí bị luật tục kết tội. Điều này có thể hoàn toàn ứng xử bằng công cụ luật pháp Nhà nước hiện nay.

Cùng với các bước phát triển kinh tế-xã hội, đời sống văn hóa làng buôn Tây Nguyên đã thay đổi theo hướng tiến bộ, hiện đại, nhiều hủ tục như Malai, tục nổi nôi (chuê nưê), tục chôn chung dần bị loại bỏ. Sinh hoạt văn hóa mới đã hình thành trên cơ sở giao lưu học hỏi giữa các dân tộc, tuy nhiên, truyền thống văn hóa lâu đời vẫn được lưu giữ giữa các dân tộc với sự giúp đỡ của Đảng và Nhà nước. Hình thức vận động buôn làng văn hóa chính là nhằm tạo nên một cộng đồng văn hóa theo hướng vừa truyền thống vừa hiện đại

Tính cộng đồng của làng buôn các dân tộc Tây Nguyên biểu hiện rất rõ nét và đa dạng, từ đó hình thành tâm lý cộng đồng. Những nền tảng cơ bản để hình thành tính cộng đồng về cư trú (cộng cư), cộng đồng về sở hữu và lợi ích (cộng lợi), cộng đồng về tâm linh (cộng mệnh) và cộng đồng văn hóa (cộng cảm). Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên hai sức mạnh “sức mạnh mềm” và “sức mạnh cứng” của quốc gia, dân tộc.

2.2. *Luật tục-hương ước và quản lý cộng đồng làng buôn ở Tây Nguyên hiện nay*

2.2.1. *Luật tục*

Luật tục là một trong những di sản văn hóa cổ truyền, kho tàng tri thức dân gian về quản lý cộng đồng của các tộc người ở Tây Nguyên. Phần lớn các tộc người bản địa đều có luật tục như luật tục Êđê, M'ông, Giarai, Bana, Xtiêng, Mạ, Srê... Luật tục vùng Tây Nguyên tồn tại dưới dạng thể truyền miệng, giàu hình ảnh, hiếm hoi dưới dạng văn bản, đề cập tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội như: thủ lĩnh và quan hệ giữa thủ lĩnh và cộng đồng, hôn nhân gia đình và quan hệ gia đình, phong tục tập quán và các quan hệ xã hội trong làng buôn, sở hữu đất đai và tài nguyên, việc xâm phạm tới cá nhân (mắng, đánh, giết người...) nghi lễ và tín ngưỡng... bên cạnh còn đan xen hương ước của người Kinh, vậy nên luật tục các dân tộc ở Tây Nguyên có vị trí và vai trò đặc biệt như là công cụ quản lý buôn, làng từ xưa đến nay.

Luật tục Tây Nguyên có những điểm riêng biệt so với luật pháp Nhà nước:

Một là hình thức trung gian giữa phong tục tập quán hay là hình thức tiền pháp luật, phù hợp với các cộng đồng dân cư nhỏ hẹp, có trình độ phát triển xã hội thấp

Hai là một trong những bộ phận hữu cơ của hệ thống xã hội văn hóa, khiến con người tự giác thực hiện luật tục như là một hành vi văn hóa. Đó chính là văn hóa pháp luật, tạo nên sức mạnh của luật tục

Ba là luật tục mang đặc thù địa phương, phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của địa phương và tộc người, đó là sự đồng thuận của nội bộ cộng đồng về các chuẩn mực và nguyên tắc ứng xử xã hội sao cho phù hợp với lợi ích và sự cố kết cộng đồng, do vậy nó cùng biến đổi với sự biến đổi xã hội. Chính trong biến đổi xã hội mang yếu tố toàn cầu hóa hiện nay, luật tục các tộc người Tây Nguyên cũng đang điều chỉnh

Bốn là trong thực hành luật tục, nguyên tắc cơ bản là làm sao đảm bảo được tính thống nhất và tính cố kết của cộng đồng, chứ không thuần túy chỉ là sự công bằng giữa hai bên có sự xung đột như khi thực thi pháp luật Nhà nước

Cuộc sống thực tế ở Tây Nguyên, hiện nay, đã và đang kết hợp giữa luật tục và luật pháp trong quản lý cộng đồng, nhưng trong sự kết hợp đó chưa điều hòa giữa cái chung và cái riêng, cái khác biệt, thậm chí trái ngược nhau. Điều này dẫn đến hiện trạng đa dạng pháp luật

2.2.2. *Hương ước*

Hương ước, quy ước ở Tây Nguyên, hiện nay, được điều chỉnh và thực hiện theo Quyết định 22/2018/QĐ-TTg của chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước mới nhất. Theo đó, hương ước, quy ước phải thực hiện theo các nguyên tắc như sau:

- ✓ Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư.
- ✓ Bảo đảm tự nguyện, trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của cộng đồng dân cư; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân; dựa trên nhu cầu tự quản của cộng đồng dân cư.
- ✓ Bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng các giá trị văn hóa mới phù hợp với đặc điểm tình hình của cộng đồng dân cư.
- ✓ Không vi phạm quyền con người, quyền công dân, bảo đảm bình đẳng giới.
- ✓ Không đặt ra các Khoản phí, lệ phí, phạt tiền, phạt vật chất.

3. Những đề xuất và kết luận:

Buôn làng là cơ cấu xã hội cơ bản của các tộc người bản địa ở Tây Nguyên. Buôn làng ngày nay là sợi chỉ đỏ nối giữa truyền thống và đổi mới, hiện đại, quá khứ và hiện tại – tương lai, thế nên trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng ở Tây Nguyên giữ vai trò nòng cốt, là xuất phát điểm của quá trình phát triển. Vô tình hay hữu ý phá vỡ và làm đảo lộn cơ cấu xã hội làng buôn thì sẽ làm mất động lực và tiêu diệt nội lực của quá trình phát triển của các cộng đồng dân cư bản địa Tây Nguyên

Tính cộng đồng là thuộc tính cố hữu và nội bật của buôn làng các tộc người ở Tây Nguyên, nhất là đối với các tộc người còn ở trình độ phát triển xã hội tương đối thấp. Tính cộng đồng này dựa trên cơ sở cộng đồng cư trú, cộng đồng về sở hữu và lợi ích, cộng đồng về tâm linh và cộng đồng về văn hóa. Tuy trải qua quá trình phát triển lâu dài, nhưng cơ sở tính cộng đồng này đã có nhiều biến đổi, nhưng cho tới nay sự có kết cộng đồng vẫn là sức mạnh thúc đẩy sự phát triển và cũng có thể làm kìm hãm sự phát triển xã hội trong ối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa.

Trong xã hội cổ truyền của các dân tộc Tây Nguyên, một trong những công cụ quan trọng nhất để quản lý và điều hòa các quan hệ xã hội trong cộng đồng là luật tục. Hiện tại, tuy cơ sở xã hội các tộc người ở đây có nhiều thay đổi, luận pháp Nhà nước từng bước điều chỉnh và phát huy tác dụng trong đời sống buôn làng, những vai trò của luật tục, hương ước vẫn phát huy tác dụng lớn trong quản lý cộng đồng, nhất là trên quan niệm quan hệ xã hội và xây dựng văn hóa lành mạnh, giữ gìn thuần phong mỹ tục.

Việc tái lập luật tục ở các buôn làng là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Thực tế, trong quá trình thực hiện, hương ước mới nên kế thừa những tri thức quản lý cộng đồng truyền thống trên các phương diện:

Một là, quan hệ sở hữu và việc quản lý khai thác, xử lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Hai là, xây dựng các quan hệ xã hội hài hòa và lành mạnh, nhất là quan hệ gia đình và quan hệ láng giềng

Ba là, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, xây dựng làng văn hóa mới và làm phong phú đời sống văn hóa ở cơ sở.

Trong việc xây dựng thực thi các hương ước cần nghiên cứu kỹ và từ đó kế thừa những tri thức quản lý cộng đồng của luật tục cổ truyền, đưa các nhân tố mới vào cuộc sống một cách thích hợp, đảm bảo tính dân tộc về hình thức và dân chủ về nội dung nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo và quyền dân chủ của nhân dân, tránh nôm nong áp đặt, luật pháp hóa hương ước và luật tục. Trong tổ chức thực hiện phải phối hợp, liên tịch các ban ngành liên quan, tránh cục bộ, chồng chéo, trùng lặp chương trình, chủ trương.

Sau đây, chúng tôi xin phép đưa ra các quan điểm mang tính giải pháp dài hạn, cụ thể như sau:

Hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật, đặt ra vùng kinh tế đô thị đặc biệt cho Tây Nguyên.

Một trong những yếu tố nền móng, ảnh hưởng đến mục tiêu lớn và tầm nhìn chiến lược cho cả nước là phải phân cấp, phân quyền cụ thể để đảm bảo thực hiện quản lý hiệu quả các mặt hành chính, kinh tế - xã hội từng địa bàn cụ thể.

Cán bộ chủ chốt của các tỉnh phải bảo đảm quản lý, điều hành nhanh nhạy, hiệu lực, hiệu quả; đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu đơn vị trực thuộc; có cơ chế giám sát người đứng đầu đơn vị hành chính kinh tế trọng điểm đặc biệt mang tính khách quan, hiệu quả nhằm phòng ngừa nguy cơ lạm quyền; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; sự giám sát của Nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố; sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan; UBND và Chủ tịch UBND Thành phố.

Triển khai thực hiện tốt Luật tài nguyên, môi trường vùng núi, biên giới. Tích cực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng núi, biên giới.

Hoàn chỉnh các chính sách về môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển kết cấu hạ tầng; dịch vụ hỗ trợ đầu tư; ưu đãi đầu tư; đất đai; lao động; thu hút ngoại kiều; xuất nhập khẩu...

Thực hiện đề án phát triển đường giao thông đô thị theo chuẩn quốc tế

Về giao thông đường bộ, Tây Nguyên cần không gian và tài nguyên để đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội bền vững trong tương lai thì lãnh đạo địa phương nói riêng và chính phủ nói chung cần thiết lập đề án, khảo sát, quy hoạch kiến trúc nâng cấp thôn, huyện thành khu đô thị, xây dựng hạ tầng giao thông theo chuẩn quốc tế để thu hút du khách tham quan cảnh đẹp tự nhiên và hoạt động nghỉ dưỡng chất lượng cao.

Mặt khác, trục chính giao thông đường, nơi đi qua các địa hình phức tạp như đèo núi phải thực hiện hệ thống đường hầm xuyên núi, bên trong hoặc bên dưới, tránh rủi ro cho những địa hình đèo dốc, nguy hiểm.

Mở rộng, nâng cấp đường vành đai, đặt tên đường, nhóm đường trong mạng lưới giao thông từng tỉnh lý, nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch sinh thái trên từng địa phận nói riêng.

Hiện nay, giao thông khó khăn, cách trở nên các tuyến đường mòn, nhỏ trong khu cư dân, đường buôn làng cũng phải được ưu tiên nâng cấp hoặc xây mới tạo điều kiện giao thông liền mạch, thuận lợi. Khi xây dựng giao thông liền mạch sẽ giảm cách trở giao thông, người dân có thể dễ dàng giao lưu, mua bán, phát triển kinh tế. Hàng năm, các Tỉnh cần tăng cường phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức du lịch (kỹ năng, thương mại...) cho cán bộ và cả người dân trên địa bàn.

Định hướng những năm tới, năm tỉnh Tây Nguyên nên nghiên cứu phát triển đường sắt, đường cao tốc (free way) nối liền điểm giữa của hai miền Nam, Bắc để mở rộng giao thương, buôn bán giữa các vùng.

Tự chủ trong công tác giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

Một trong các mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển cả nước 5 năm, giai đoạn 2016-2020, thể hiện trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng là: “Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”. Vấn đề đặt ra là cần đánh giá thực trạng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay ra sao để có giải pháp hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành. Phát triển hợp lý, hiệu quả các loại hình trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học”.

Vì vậy, để đủ nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội năm tỉnh Tây Nguyên thì điều cần nhất là phải có một cơ chế tự chủ, được phép chủ động lập đề án và thực hiện các chính sách đặc thù về đầu tư giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển vùng kinh tế kinh tế vùng xứng tầm khu vực.

Quy hoạch phát triển du lịch – dịch vụ

Cần thiết tập trung đầu tư, khai thác thế mạnh dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch cao nguyên đặc thù. Trước hết, phát triển công viên cây xanh, bảo vệ và tôn tạo và phát triển khu rừng sinh thái hiện đại để phát triển du lịch, biên khảo, nghiên cứu khoa học, hội thảo quốc tế...

Xây dựng và khai thác các khu di tích văn hóa nguyên cổ “cồng chiêng”, nhà dài, ... Xác định việc kết hợp làm nơi giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh thiếu niên, học

sinh, sinh viên và là nơi tham quan có cảnh quan thiên nhiên đẹp cho du khách trong và ngoài nước.

Xây dựng khu vui chơi, giải trí phục vụ các hoạt động dịch vụ. Các hoạt động dịch vụ, tham quan nghỉ mát, nghỉ dưỡng dài hạn sẽ tăng lên đáng kể trên cơ sở hình thành các khu du lịch sinh thái cao nguyên.

Đô thị hóa vùng nông thôn, cải tạo nông nghiệp

Ngoài việc khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch sinh thái, Tây Nguyên cần phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, bền vững; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, cải thiện thu nhập của nhân dân, giảm nghèo bền vững; phát huy các giá trị văn hóa tinh thần, bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Tây Nguyên văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

Nghiên cứu, chuyển giao hoặc đầu tư các ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ hiện đại để xử lý ô nhiễm môi trường, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, cải tạo môi trường sống cho nền nông nghiệp bền vững. Tích cực đưa ra đề án khảo sát thực địa tiềm năng, khả năng lập đề án dành riêng cho các hoạt động giải trí cao cấp như lễ hội văn hóa “cồng chiêng” quốc tế, triển lãm văn hóa bản địa... góp phần thúc đẩy phát triển du lịch Việt Nam.

Mặt khác, sớm thực hiện các dự án cụ thể cho các khu: chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, du lịch tâm linh, biển tạo sóng nhân tạo, khu giải trí về đêm, tái hiện không gian văn hóa cao nguyên xưa; phim trường thực cảnh điện ảnh, với ý tưởng đào tạo và sử dụng người dân lao động tại địa phương...

Xây dựng khu đô thị du lịch, nghỉ dưỡng tầm cỡ quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng cần chú trọng công tác bảo vệ môi trường vì đây là đô thị gắn liền với đất rừng, tài nguyên quốc gia. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng, quy hoạch đô thị đặc biệt có tầm nhìn xa để Tây Nguyên vẫn cổ kính trong phối cảnh đẹp, hiện đại đảm bảo tính dân tộc và hình thức và dân chủ về nội dung

Tóm lại:

Cần thiết đánh thức tiềm năng chiến lược và đề xuất nhiều giải pháp hơn nữa cho việc xây dựng nền kinh tế-xã hội Tây Nguyên. Các quan điểm và các đề xuất nêu trên cùng với các giải pháp của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khác sẽ phát huy thế mạnh Tây Nguyên, góp thêm chuyển biến trong việc thực hiện công cuộc công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước. Rà soát, nắm bắt nhu cầu của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch trong và ngoài nước, thống kê dân số lao động, đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực du lịch để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng lao động địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển. Thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân Tây Nguyên là

một trong những điều kiện hết sức quan trọng nhằm đánh thức tiềm năng chiến lược của Tây Nguyên nói riêng và cho cả nước nói chung trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đăng, N. V. (1986). Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về kinh tế xã hội Tây Nguyên trên chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Một số vấn đề kinh tế xã hội Tây Nguyên. Hà Nội. Nhà Xuất Bản KHXH.

Đăng, T. và Lê Đ. D. (1986). Sơ bộ một vài nét về dân số Tây Nguyên. Một số vấn đề kinh tế xã hội Tây Nguyên. Hà Nội. Nhà Xuất Bản KHXH.

Nguyễn, T. T. (1986). Một số quan điểm cơ bản về phát triển kinh tế Tây Nguyên. Một số vấn đề kinh tế xã hội Tây Nguyên. Hà Nội. Nhà Xuất Bản KHXH.

Ngô, Đ. T. (2013). Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người Tây Nguyên, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế-xã hội.

Lương, T. T. H; Phan, T. G.; Trương, Q. H. (2015), Nghiên cứu về luật tục của các dân tộc thiểu số và chính sách đất rừng ở Việt Nam. <https://data.opendata.gov.vn>

Lê, D. Q. và Vũ H. P. T. (2004). Thực Trạng Đời Sống Văn Hoá của Một Số Dân Tộc Thiểu Số ở Tây Nguyên. Văn Hoá Các Dân Tộc Tây Nguyên - Thực Trạng và Những Vấn Đề Đặt Ra. T. V. Bính. Hà Nội, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia.

ThanhNien (2005). "5 kiểu tăng trưởng cần tránh " Thanh Nien Newspaper May 4, 2005.

Đăng, N. A. (2015). Dân số và di dân trong phát triển bền vững Tây Nguyên, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Nguyễn, Đ. T. (1999). Tây Nguyên xưa và nay, Tạp chí Xưa và nay, số 61B.

UBND 2013. Danh mục phân định vùng dân tộc và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2012-2015. Ủy Ban Dân Tộc, Hà Nội

TCTK (2016). Dân số trung bình phân theo địa phương 2016. Tổng Cục Thống Kê. Tại: <http://www.gso.gov.vn>.

Jamieson, N. L., T. C. Le, et al. (1998). The development crisis in Vietnam's mountains. Honolulu, Hawaii, East-West Center.

Hardy, A. (2002). Red hills : migrants and the state in the highlands of Vietnam. Honolulu, University of Hawaii Press.